

Bản án số 116/2024/DS-PT
Ngày 06 – 6 – 2024
V/v “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06-6-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 218/2023/TLPT-DS ngày 22-11-2023 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2024/QĐ-PT ngày 06-02-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Việt A**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 80 D, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S; sinh năm 1973; Địa chỉ: 79B đường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 06-3-2024 tại Văn phòng công chứng H; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Việt T**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thùy T1**, sinh năm 1976, cùng địa chỉ: Số 85 I, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Tú O; sinh năm 1966; địa chỉ: 27/12 M, phường N, quận x, thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 18-3-2024 tại Văn phòng công chứng P; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Trần Hồng A1**, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 249 U, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đình T2; sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 249 U, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy ủy quyền lập ngày 06-3-2024 tại Văn phòng công chứng H; có mặt.

- Bà **Trần Phương T3**, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 261 E1, phường F1, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - bà Trần Việt A và bị đơn - ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Trần Việt A và người đại diện theo ủy quyền trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Cha mẹ bà Trần Việt A là ông Trần Việt D (chết năm 2022) và bà Trần Thị B (chết năm 2021). Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 4 người con là Trần Việt A, Trần Hồng A1, Trần Việt T và Trần Phương T3.

Di sản bà Trần Thị B và ông Trần Việt D chết để lại là nhà và đất tại địa chỉ 261 E1, U, K, thành phố Đà Nẵng đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD896983, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, ngày cấp 21-9-2016.

Sau khi cha mẹ mất thì bà Trần Việt A và các chị em trong gia đình mới biết được cha mẹ bà đã lập di chúc vào ngày 27-10-2016 tại UBND phường U, K, thành phố Đà Nẵng với nội dung di chúc như sau: “Chúng tôi thống nhất sau khi một trong hai vợ chồng chúng tôi (vợ hoặc chồng) chết đi. Người còn sống sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà. Con trai và con dâu tôi được thừa hưởng một nửa ngôi nhà của người đã mất nhưng không có quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà. Sau khi cả hai vợ chồng chúng tôi đều chết thì con trai và con dâu tôi được thừa hưởng toàn bộ ngôi nhà”.

Việc lập di chúc này bà và các chị em hoàn toàn không biết và cũng không nghe cha mẹ tôi bàn bạc thảo luận gì. Cho đến khi cha mẹ tôi mất đi thì bà mới phát hiện ông Trần Việt T là em bà đã chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 07-2021. Điều này là trái với quy định của pháp luật vì cha mẹ tôi lập chung một di chúc nên khi cha mẹ mất hết thì phải công bố di chúc và thực hiện việc thừa kế theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Trần Việt T đã tự động chỉnh lý biến động trước khi cha tôi mất. Điều này có sự mờ ám và gian dối.

Nay bà Trần Việt A yêu cầu Tòa án nhân dân quận K tuyên bố Văn bản di chúc xác lập ngày 27-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu và yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: số 261 đường E1, phường L, quận K,

thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 896983 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-9-2016.

Tôi thống nhất với kết quả chứng thư thẩm định giá nhà đất tại 261 E1 là 15.002.313.000đ. Tôi mong muốn anh chị em trong gia đình có thể thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án. Vì ông T là con trai nên các chị em thống nhất chia cho ông Trần Việt T được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất, tương ứng số tiền 7.500.000.000đ; $\frac{1}{2}$ giá trị phần còn lại, chia đều cho 03 chị em với giá trị mỗi kỳ phần 2.500.000.000đ.

** Bị đơn - ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Tôi thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của ông Trần Việt D và bà Trần Thị B để lại là nhà và đất tại địa chỉ 261 E1, phường U, K, thành phố Đà Nẵng đã được Sở tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD896983, thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, ngày cấp 21-9-2016.

Trước khi chết, ông Trần Việt D và bà Trần Thị B đã lập di chúc để lại giao toàn bộ nhà và đất tại 261 E1 phường U, K, thành phố Đà Nẵng cho vợ chồng ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 quản lý, sử dụng thờ cúng ông bà. Sau khi vợ chồng Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 chết thì giao lại cho cháu nội – anh Trần Xuân T4. Ông bà lập di chúc khi còn minh mẫn, sáng suốt nên đây là di chúc hợp pháp theo quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế của bà Trần Thị B chết để lại.

Đối với kết quả chứng thư thẩm định giá nhà đất tại 261 E1 có trị giá là 15.002.313.000đ, tôi không có ý kiến.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Trần Hồng A1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Tôi thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của ông Trần Việt D và bà Trần Thị B để lại là nhà và đất tại địa chỉ 261 E1, U, K, thành phố Đà Nẵng. Tôi cũng mong muốn anh chị em trong gia đình thương lượng, hòa giải với nhau nhưng bị đơn không đồng ý nên tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất cho 04 anh chị em trong diện thừa kế. Tôi thống nhất với kết quả chứng thư thẩm định giá nhà đất tại 261 E1 có trị giá 15.002.313.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ giá này để giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Trần Phương T3 và người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Tôi thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản của ông Trần Việt D và bà Trần Thị B để lại là nhà và đất tại địa chỉ 261 E1, U, Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tôi là người sinh sống với cha mẹ từ nhỏ đến khi cha mẹ mất tại địa chỉ số 261 đường E1, quận K, thành phố Đà Nẵng nhưng tôi cũng hoàn toàn không biết gì về di chúc lập ngày 27-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, cũng như hợp đồng tặng cho của cha tôi – ông Trần Việt D

đối với vợ chồng ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thị Thùy T1.

Nay, bà Trần Việt A khởi kiện chia di sản thừa kế của mẹ tôi – bà Trần Thị B chết để lại cho 04 chị em trong diện thừa kế, tôi đồng ý. Tôi thống nhất với kết quả chứng thư thẩm định giá nhà đất tại 261 E1 có trị giá 15.002.313.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ giá này để giải quyết. Đồng thời đề nghị giao nhà đất cho vợ chồng ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 sở hữu, sử dụng, vì bản thân tôi không có khả năng thối trả kỷ phần thừa kế cho các chị em.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định như sau:*

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Điều 628 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Việt A đối với bị đơn – ông Trần Việt T về việc “yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

I. Xác định $\frac{1}{2}$ ngôi nhà 03 tầng tọa lạc trên lô đất có diện tích 50m², diện tích sàn 157m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ: 261 E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng có trị giá số tiền: 7.501.156.500đ là di sản thừa kế của bà Trần Thị B để lại.

II. Hàng thừa kế của bà Trần Thị B gồm: bà Trần Việt A (sinh năm: 1970), bà Trần Hồng A1 (sinh năm: 1972), ông Trần Việt T, (sinh năm: 1974) và bà Trần Phương T3 (sinh năm: 1984) được hưởng với giá trị mỗi kỷ phần là 1.875.289.125đ.

III. Việc phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị B bằng hiện vật cho người trong diện được hưởng nói trên cụ thể như sau:

1. Giao ngôi nhà 03 tầng tọa lạc trên lô đất có diện tích 100m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ: 261 E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng có tổng trị giá 15.002.313.000đ cho ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 sở hữu, sử dụng.

2. Ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 được quyền liên hệ với các cấp có thẩm quyền để lập thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

IV. Nghĩa vụ thối trả do chênh lệch về tài sản được giao nhận sở hữu, sử dụng so với kỷ phần được chia của ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 cho những người trong diện được hưởng tài sản cụ thể như sau: Buộc ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Trần Việt A, bà Trần Hồng A1 và bà Trần Phương T3, mỗi người số tiền 1.875.289.125đ.

V. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Việt A phải chịu số tiền: 68.259.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.000.000đ mà bà Trần Việt A đã nộp theo biên lai thu số

008675 ngày 26-12-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Bà Trần Việt A phải nộp tiếp số tiền án phí là: 38.259.000đ.

Bà Trần Hồng A1, ông Trần Việt T và bà Trần Phương T3, mỗi người phải nộp số tiền: 68.259.000đ.

VI. Chi phí định giá tài sản theo giá thị trường: số tiền 37.000.000đ bà Trần Việt A, bà Trần Hồng A1, ông Trần Việt T và bà Trần Phương T3 phải chịu. Trong quá trình giải quyết, bà Trần Việt A đã tạm ứng nên các đồng thừa kế gồm bà Trần Việt A, bà Trần Việt T và bà Trần Phương T3, mỗi người phải có trách nhiệm thời trả lại cho bà Trần Hồng A1 số tiền 9.250.000đ.

VII. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 25-9-2023, bị đơn - ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện, khách quan về Di chúc của bà Trần Thị B dẫn đến phán quyết không phù hợp quy định pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông bà.

Ngày 27-9-2023, nguyên đơn – bà Trần Việt A kháng cáo bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế bà Trần Thị B để lại thành ba phần chứ không phải bốn phần như bản án sơ thẩm, ông Trần Việt T không có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trần Việt A; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Phương T3 đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà.

[1.2] Bị đơn - bà Trần Việt A có đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà A rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trần Việt A.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 trình bày nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng là di sản của ông Trần Việt D và bà Trần Thị B để lại cho ông Trung, bà T1 nhưng ông bà đề nghị thỏa thuận giao cho bà Trần Việt A, bà Trần Hồng A1, bà Trần Phương T3 mỗi người 500.000.000đ nhưng các đương sự này yêu cầu số tiền mỗi người được nhận là 1.200.000.000đ. Do đó, các bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét Đơn kháng cáo của ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1:

[2.1] Nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Việt D và bà Trần Thị B. Ông D và bà B có tất cả 04 người con chung là bà Trần Việt A, bà Trần Hồng A1, ông Trần Việt T và bà Trần Phương T3. Bà B chết ngày 02-4-2021 và ông D chết ngày 11-6-2022. Ông D và bà B trước khi chết có lập Di chúc để lại nhà đất nói trên cho vợ chồng ông T.

Bà Trần Việt A khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản di chúc xác lập ngày 27-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng vô hiệu và phân chia di sản thừa kế cho những người trong diện thừa kế theo quy định của pháp luật. Sau đó thì bà A cho rằng vì ông Trần Việt T là con trai nên các chị em thống nhất chia cho ông T được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất, tương ứng số tiền 7.500.000.000đ; $\frac{1}{2}$ giá trị phần còn lại, chia đều cho 03 chị em với giá trị mỗi kỹ phần 2.500.000.000đ.

Ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Di chúc được lập tại Ủy ban nhân dân phường L đúng quy định pháp luật. Hơn nữa trước chết, ngày 05-6-2021, ông Trần Việt D đã lập Hợp đồng tặng cho vợ chồng ông Trung, bà T1 $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Trần Việt D và bà Trần Thị B theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CĐ 896983 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-9-2016. Do vậy, ông D và bà B có toàn quyền định đoạt tài sản của mình theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2003. Cụ thể, ông D, bà B khi còn sống đã lập Di chúc vào ngày 27-10-2016, được Ủy ban nhân dân phường U, quận K, thành phố Đà Nẵng chứng nhận nên Di chúc này đảm bảo quy định pháp luật về

hình thức theo quy định tại các Điều 646, 649, 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Về nội dung của Di chúc là ông D bà B để lại tài sản là nhà và đất tại 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng cho vợ chồng ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1. Cụ thể như sau:

“III. Nội dung Di chúc:

Chúng tôi thống nhất: sau khi một trong hai vợ chồng chúng tôi (vợ hoặc chồng) chết đi người còn sống sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà. Con trai và con dâu tôi được thừa hưởng một nửa ngôi nhà của người đã mất nhưng không có quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà. Sau khi cả hai vợ chồng chúng tôi đều chết thì con trai và con dâu tôi được thừa hưởng toàn bộ ngôi nhà và có trách nhiệm thực hiện theo điều IV (bốn) di chúc này.

IV. Nghĩa vụ người được hưởng di sản:

Sau khi cha mẹ mất đi, thờ cúng ông bà, cha mẹ .. theo phong tục, tập quán Việt Nam. Được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất, được quản lý, sử dụng nhưng không được bán, cầm cố ngôi nhà 261 E1 - Thành phố Đà Nẵng.

Sau khi con trai và con dâu tôi mất có trách nhiệm để lại ngôi nhà cho cháu nội trai chúng tôi là Trần Xuân T4- sinh năm 2014 là con của Anh T- Chị T1. Trong trường hợp sau khi chúng tôi mất đi, tài sản này nếu có các vấn đề phát sinh ngoài ý muốn của chúng tôi thì Anh T, Chị T1 trong mọi trường hợp không được chia nhỏ tài sản này để tiếp tục giao lại cho cháu tôi.”

Như vậy, ông D bà B định đoạt khi một người chết trước thì vợ chồng người con trai được hưởng ½ ngôi nhà; khi cả hai đã chết thì vợ chồng con trai mới được “*thừa hưởng toàn bộ ngôi nhà*”. Tuy nhiên, việc hưởng di sản thừa kế kèm theo điều kiện là phải thờ cúng ông bà, cha mẹ và không được bán, cầm cố chứ không có nội dung: “*nội dung di chúc thể hiện ý chí của bà Trần Thị B là giao cho vợ chồng ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 quản lý để thờ cúng*” như nhận định tại trang 6 của bản án sơ thẩm.

Tại phần trích dẫn của Di chúc trên còn thể hiện ông D bà B giao cho ông T bà T1 “*Được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất*” – tức là giao trọn quyền sở hữu, sử dụng về mặt pháp lý, còn việc thờ cúng chỉ là nghĩa vụ kèm theo mà ông D bà B đặt ra. Do vậy, đây không phải là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Đến thời điểm hiện nay, ông T bà T1 đang quản lý di sản và không bán, cầm cố di sản này, không vi phạm nội dung gì của Di chúc.

[2.3] Di chúc lập ngày 27-10-2016 thì đến ngày 02-4-2021 bà B chết. Chiếu theo Di chúc thì lúc này ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1 đã được quyền sở hữu, sử dụng ½ nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, ông D đã làm Hợp đồng tặng cho phần tài sản của ông là ½ nhà và đất còn lại cho ông T bà T1 vào ngày 05-6-2021, tức là ông D đã thay đổi một phần nội dung Di chúc ngày 27-10-2016. Việc ông D tặng cho phần tài sản của ông chỉ là sự thay đổi về hình thức giao quyền về tài sản của ông D cho ông T bà T1 còn về bản chất vẫn như ý chí ban đầu tại Di chúc.

Đến ngày 13-7-2021, ông T bà T1 thực hiện chỉnh lý biến động sang tên để được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Di chúc lập ngày 27-10-2016 chịu sự điều chỉnh về mặt nội dung và hình thức của Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng thời điểm mở thừa kế sau khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng quy định của Bộ luật này để xác định thời điểm có hiệu lực của Di chúc. Điều 624 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*” mà không còn quy định về Di chúc chung của vợ chồng cũng như quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ chồng. Do vậy, việc bà B khi còn sống quyết định việc để thừa kế phần tài sản của mình cho ông T bà T1 là phù hợp pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Di chúc lập ngày 27-10-2016 phần của bà Trần Thị B vẫn đảm bảo về nội dung và hình thức, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên yêu cầu tuyên bố Di chúc ngày 27-10-2016 vô hiệu của nguyên đơn bà Trần Việt A là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Phần Di chúc của bà B đối với $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật và $\frac{1}{2}$ nhà đất còn lại ông D cũng đã làm thủ tục tặng cho hợp pháp cho ông T bà T1 nên toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1. Ông T bà T1 đã được nhà nước công nhận trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất là đúng pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Trần Thị B để lại theo pháp luật của nguyên đơn bà Trần Việt A không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Toà án cấp sơ thẩm đã xác định phần Di chúc của bà Trần Thị B vô hiệu để chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của bà B là chưa phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm; cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông T bà T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm, sau khi các bên đương sự không thống nhất được về việc giải quyết vụ án thì người đại diện hợp pháp của ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1, với sự tham gia trực tiếp của ông T đã trình bày ý kiến tự nguyện giao cho bà Trần Phương T3 số tiền là 1.000.000.000đ theo nguyện vọng khi còn sống của cha mẹ là ông Trần Việt D, bà Trần Thị B. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[4] Vấn đề về án phí dân sự và chi phí tố tụng:

[4.1] Án phí sơ thẩm được tính lại cho các đương sự do sửa bản án sơ thẩm như sau: Nguyên đơn bà Trần Việt A không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tuyên bố Di chúc vô hiệu nên phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ; không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện về phân chia di sản thừa kế nên phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Bà Trần Việt A không phải chịu do rút yêu cầu kháng cáo. Ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí.

[4.3] Chi phí định giá tài sản theo giá thị trường bà Trần Việt A phải chịu do không được chấp nhận đơn khởi kiện theo khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, khoản 1 Điều 165, điểm b Khoản 1 Điều 289, Điều 293, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 646, 649, 652, 658, 663, 664 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 611, 612, 624 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Đơn kháng cáo của bà Trần Việt A.

II. Chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Việt A đối với bị đơn – ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 về việc “*yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*”; bao gồm yêu cầu tuyên bố Văn bản di chúc xác lập ngày 27-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu và yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, địa chỉ số 261 đường E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 896983 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21-9-2016.

2. Công nhận ngôi nhà 03 tầng tọa lạc trên lô đất có diện tích 100m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ 261 E1, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thùy T1.

3. Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 giao cho bà Trần Phương T3 số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Việt A phải chịu là 600.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số 008675 ngày 26-12-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Hoàn trả lại cho bà A số tiền 29.400.000đ (hai mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu trên.

5. Chi phí định giá tài sản: Bà Trần Việt A phải chịu là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng).

III. Án phí dân sự phúc thẩm:

1. Bà Trần Việt A không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002215 ngày 19-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Trần Việt T, bà Nguyễn Thùy T1 không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Trung, bà T1 số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002205 ngày 18-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai